

Số: 15/2021/QĐST-HNGĐ

Đắk Tô, ngày 30 tháng 3 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK TÔ, TỈNH KON TUM

Căn cứ khoản 2 Điều 29; Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ các Điều 357; 468 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 23/2021/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 02 năm 2021 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, chia tài sản khi ly hôn và thanh toán nợ, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1/ Anh LDD

Trú tại: Khối 9, thị trấn ĐT, huyện ĐT, tỉnh Kon Tum.

2/ Chị TTKC

Trú tại: Khối 6, thị trấn ĐT, huyện ĐT, tỉnh Kon Tum.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông LXB, bà ĐTH

Trú tại: Khối 8, thị trấn ĐT, huyện ĐT, tỉnh Kon Tum.

2/ NHTMCPSGTT

Địa chỉ: 266-268 NKKN, phường VTS, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông TCH- Trưởng phòng Phòng Giao dịch Đắk Tô - Chi nhánh Kon Tum - NHTMCPSGTT (văn bản ủy quyền số 13/2021/GUQ-CNKT ngày 04/01/2021).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ hôn nhân: Tại Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, **Anh LDD và Chị TTKC** yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn. Vì vậy, Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Không có.

[3] Về tài sản chung: Không có.

[4] Về tài sản riêng: Căn nhà và thửa đất số 56, tờ bản đồ số 218, tại đường Lý Thường Kiệt, Khối 9, thị trấn ĐT, huyện ĐT, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 385338, sổ vào sổ cấp GCN: CH 00818, ngày 02/12/2011 của UBND huyện Đắk Tô cấp cho Lê Đình Dinh là tài sản riêng của Anh LDD có trước khi Anh LDD kết hôn với Chị TTKC. Hiện nay, chưa nhập vào tài sản chung.

[5] Về khoản nợ:

[5.1] Anh LDD và Chị TTKC có vay NHTMCPSGTT số tiền 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng, theo Giấy nhận nợ số LD2010500003, ngày 14/4/2020, Hợp đồng tín dụng số LD1810900226, ký ngày 19/4/2018 và các thỏa thuận sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng. Anh Dinh, chị Chung và Ngân hàng thống nhất để cho anh Dinh chịu nghĩa vụ thanh toán toàn bộ tiền vay cho Ngân hàng. Thỏa thuận này không trái pháp luật nên được công nhận. Do Anh LDD đã thanh toán đủ cho Ngân hàng vào ngày 29/3/2021, nên tại phần quyết định không phải ghi nhận nội dung này.

[5.2] Chị TTKC và Anh LDD có vay tiền của Ông LXB, bà ĐTH. Các bên thỏa thuận:

- Chị TTKC phải trả cho Ông LXB, bà ĐTH số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng. Thời hạn trả: Ngày 15/4/2021, trả 100.000.000 (một trăm triệu) đồng và ngày 15/4/2022, trả 100.000.000 (một trăm triệu) đồng.

- Anh LDD phải trả cho Ông LXB, bà ĐTH số tiền 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng. Thời hạn trả: Ngày 15/4/2021, trả 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng và ngày 15/4/2022, trả 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng.

Chị TTKC, Anh LDD có nghĩa vụ trả lãi trên nợ gốc cho Ông LXB, bà ĐTH, theo mức lãi suất là 7,8 %/năm, tính từ ngày 16/3/2021. Trường hợp chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất là 11,7%/năm.

Trường hợp Anh LDD, Chị TTKC chậm trả tiền thì Ông LXB, bà ĐTH có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự thi hành án toàn bộ số tiền chưa trả.

Thỏa thuận nêu trên của các bên phù hợp với quy định của pháp luật nên được công nhận.

[5.3] Anh LDD là người đứng ra chịu trách nhiệm trả toàn bộ nợ vay của NHTMCPSGTT nên chị Chung và anh Dinh thỏa thuận: Chị Chung phải trả cho anh Dinh 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng. Thời hạn trả: Ngày

15/10/2023, trả 100.000.000 (một trăm triệu) đồng và ngày 15/10/2024, trả 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng.

Chị TTKC có nghĩa vụ trả lãi trên nợ gốc cho Anh LDD, theo mức lãi suất là 9,5 %/năm, tính từ ngày 12/02/2021. Trường hợp chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất là 14,25%/năm.

Trường hợp Chị TTKC chậm trả tiền thì Anh LDD có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự thi hành án toàn bộ số tiền chưa trả.

Thỏa thuận này không trái pháp luật nên được công nhận.

[6] Về lệ phí Tòa án: **Anh LDD, Chị TTKC phải** chịu lệ phí Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** **Anh LDD và Chị TTKC** thuận tình ly hôn.

- **Về tài sản chung:** Không có.

- **Về tài sản riêng:** Căn nhà và thửa đất số 56, tờ bản đồ số 218, tại đường Lý Thường Kiệt, Khối 9, thị trấn ĐT, huyện ĐT, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 385338, số vào sổ cấp GCN: CH 00818, ngày 02/12/2011 của UBND huyện Đắk Tô cấp cho Lê Đình Dinh là tài sản riêng của Anh LDD.

- **Về khoản nợ:**

1/ Chị TTKC phải trả cho Ông LXB, bà ĐTH số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng. Thời hạn trả:

Ngày 15/4/2021, trả 100.000.000 (một trăm triệu) đồng;

Ngày 15/4/2022, trả 100.000.000 (một trăm triệu) đồng.

Anh LDD phải trả cho Ông LXB, bà ĐTH số tiền 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng. Thời hạn trả:

Ngày 15/4/2021, trả 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng;

Ngày 15/4/2022, trả 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng.

Chị TTKC, Anh LDD có nghĩa vụ trả lãi trên nợ gốc cho Ông LXB, bà ĐTH, theo mức lãi suất là 7,8 %/năm, tính từ ngày 16/3/2021. Trường hợp chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất là 11,7%/năm.

Trường hợp Anh LDD, Chị TTKC chậm trả tiền thì Ông LXB, bà ĐTH có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự thi hành án toàn bộ số tiền chưa trả.

2/ Chị TTKC phải trả cho Anh LDD 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng. Thời hạn trả:

Ngày 15/10/2023, trả 100.000.000 (một trăm triệu) đồng;

Ngày 15/10/2024, trả 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng.

Chị TTKC có nghĩa vụ trả lãi trên nợ gốc cho Anh LDD, theo mức lãi suất là 9,5 %/năm, tính từ ngày 12/02/2021. Trường hợp chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất là 14,25%/năm.

Trường hợp Chị TTKC chậm trả tiền thì Anh LDD có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự thi hành án toàn bộ số tiền chưa trả.

2. Về lệ phí Tòa án: **Anh LDD, Chị TTKC** phải chịu toàn bộ lệ phí Tòa án là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai số 0003867 ngày 25/02/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum. **Anh LDD, Chị TTKC** đã nộp đủ lệ phí Tòa án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện Đắk Tô;
- Chi cục THA dân sự huyện Đắk Tô;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu QĐ; hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Bá Bình